

## GRAMMAR PART 8 U1-U6

## UNIT 1 ( NHỮNG ĐỘNG TỪ THỂ HIỆN SỰ YÊU THÍCH)

1. like, love, enjoy, hate, fancy + \_\_\_\_\_

A. Ving

B. V

C. Ved

## UNIT 2: SO SÁNH

Cho dạng đúng của tính/trạng từ trong ví dụ dưới đây (a,b,c).



## A, So sánh hơn của tính từ: Comparative forms of Adj

Tính từ ngắn	Tính từ dài
<b>A + be + adj -er + than + B</b>	<b>S1 + be + more + adj + than + O/N (S2 + be)</b>
Thêm đuôi "er" vào sau tính từ ngắn.	Thêm "more" trước tính từ dài
<b>Ví dụ:</b> - Lan is _____ than Nam. ( <b>short</b> ) (Lan thì thấp hơn Nam).  - A sofa is _____ than a chair. ( <b>big</b> )	<b>Ví dụ:</b> - Tom is _____ Peter. ( <b>careful</b> ) (Tom cẩn thận hơn Peter)  - Life in a small town is _____ than that in a big city. ( <b>peaceful</b> )



## B, So sánh hơn của trạng từ: Comparative forms of Adv

HẦU HẾT TRẠNG TỪ CÓ DẠNG TÍNH TỪ + LY

Trạng từ ngắn	Trạng từ dài
<b>S1 + V + adv -er + than + O/ N (S2 + V)</b>	<b>S1 + V + more + adv + than + O/ N (S2 + V)</b>
Thêm đuôi "er" vào sau trạng từ ngắn.	Thêm "more" trước trạng từ dài
<b>Ví dụ:</b> - Tom runs _____ than Peter. ( <b>fast</b> ) (Tom chạy nhanh hơn Peter)  - He works _____ than the others. ( <b>hard</b> )	<b>Ví dụ:</b> - Tom drives _____ Peter. ( <b>careful</b> ) (Tom lái xe cẩn thận hơn Peter)  - Lan sings _____ than Hoa. ( <b>sweet</b> )

